TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẤP VÒ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2021/DS-ST
Ngày 15-11-2021
"Tranh chấp về Hợp đồng dân sự hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kiều Tiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Trên.

2. Ông Nguyễn Vạn Thế.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Diễm Quỳnh, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương – Kiểm sát viên.

Trong ngày 15/11/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 642/2020/TLST- DS, ngày 03 tháng 12 năm 2020 về "Tranh chấp về Hợp đồng dân sự hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82A/2021/QĐXXST-DS, ngày 05/4/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 126/2021/QĐST-DS ngày 28/10/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Dương Thị Kiều O, sinh năm: 1982;
Địa chỉ: 119D, ấp Khánh N, xã Tân Khánh T, huyện Lấp V, tỉnh Đồng T; (có mặt)

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Hồng M, sinh năm: 1975; (có mặt)
Ông Nguyễn Hoàng M, sinh năm: 1971; (vắng mặt)
Cùng địa chỉ: Số 106, ấp Khánh N, xã Tân Khánh T, huyện Lấp V, tỉnh Đồng T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, biên bản hòa giải và tại phiên toà chị O là nguyên đơn trình bày:

Chị Dương Thị Kiều O có tham gia các dây hụi do bà Nguyễn Thị Hồng M làm chủ cụ thể như sau:

+ Dây hụi ngày 10/01/2019 âl, giá hụi 1.000.000 đồng, gồm có 24 hụi viên, chị O tham gia 01 phần, trong danh sách hụi viên tên O. Đã đóng hụi được 17 lần với số tiền 10.200.000đồng. (giấy hụi ghi 10/10/2019 là không đúng) trong danh sách hụi viên ghi chủ hụi tên Hia.

+ Dây hụi ngày 10/01/2019 âl, giá hụi 1.000.000 đồng, gồm có 25 hụi viên, chị O tham gia 01 phần. Đã đóng hụi được 17 lần với số tiền 10.200.000đồng. Trong danh sách hụi viên ghi chủ hụi tên Hia.

+ Dây hụi ngày 15/10/2019 âl, giá hụi 1.000.000 đồng, gồm có 36 hụi viên, chị O tham gia 02 phần. Đã đóng hụi được 08 lần với số tiền 9.600.000đồng. Trong danh sách hụi viên không ghi tên chủ hụi là ai.

+ Dây hụi ngày 20/4/2019 âl, giá hụi 1.000.000 đồng, gồm có 33 hụi viên, chị O tham gia 02 phần. Đã đóng hụi được 14 lần với số tiền 16.800.000đồng. Trong danh sách hụi viên ghi chủ hụi tên Hia.

Tổng số tiền hụi Nguyễn Thị Hồng M còn nợ Dương Thị Kiều O là 46.800.000đ. Trong các danh sách hụi viên có ghi tên Hia là tên ở nhà của chồng bà M. Chị Dương Thị Kiều O chỉ yêu cầu giải quyết dân sự, không yêu cầu xử lý hình sự.

- Trong các biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn Nguyễn Thị Hồng M trình bày:

Chị Dương Thị Kiều O có tham gia các dây hụi do bà Nguyễn Thị Hồng M làm chủ cụ thể như sau:

+ Dây hụi ngày 10/01/2019 âl, giá hụi 1.000.000 đồng, gồm có 24 hụi viên, chị O tham gia 01 phần, trong danh sách hụi viên tên O. Đã đóng hụi được 17 lần với số tiền 10.200.000đồng.

+ Dây hụi ngày 10/01/2019 âl, giá hụi 1.000.000 đồng, gồm có 25 hụi viên, chị O tham gia 01 phần. Đã đóng hụi được 17 lần với số tiền 10.200.000đồng.

+ Dây hụi ngày 15/10/2019 âl, giá hụi 1.000.000 đồng, gồm có 36 hụi viên, chị O tham gia 02 phần. Đã đóng hụi được 08 lần với số tiền 9.600.000đồng.

+ Dây hụi ngày 20/4/2019 âl, giá hụi 1.000.000 đồng, gồm có 33 hụi viên, chị O tham gia 02 phần. Đã đóng hụi được 14 lần với số tiền 16.800.000đồng.

Bà M thống nhất tổng số tiền hụi Nguyễn Thị Hồng M còn nợ Dương Thị Kiều O là 46.800.000đ. Trong các danh sách hụi viên có ghi tên Hia là tên của chồng bà M nhưng thực tế chồng bà M là ông M không có tham gia và cũng không biết việc này. Do ông M ở nhà tên Hia nên mọi người gọi bà M là bà Hia nên giấy hụi ghi Hia là nói bà M chứ không phải ông M.

Nay bà Nguyễn Thị Hồng M thừa nhận và đồng ý trả cho Dương Thị Kiều O số tiền vốn hụi là 46.800.000đ, không yêu cầu ông Nguyễn Hoàng M cùng trả.

- Bị đơn Nguyễn Hoàng M trình bày:

Việc bà M tổ chức chơi hụi ông M chỉ thấy thôi nhưng không biết đến, công việc chính của ông M là làm hồ (có làm thầu, có làm thợ) thu nhập đủ để chi tiêu trong gia đình, còn tiền hụi và tiền mua bán hoa kiểng của bà M thì bà

M làm gì ông M không biết. Nay ông M không đồng ý theo yêu cầu của chị O, không đồng ý cùng bà M liên đới trả.

- Tại phiên tòa kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

+ Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán chấp hành đúng quy định của pháp luật.

+ Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật.

+ Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và thư ký đã tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà M trả cho chị O số tiền nợ hụi 46.800.000 đồng, do không chứng M được ông M có liên quan nên không buộc ông M liên đới trả.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà M và ông M là bị đơn đang sinh sống tại huyện Lấp Vò nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Lấp Vò, theo quy định tại Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Số tiền nợ hụi được chị O và bà M thống nhất là 46.800.000 đồng nên không cần phải chứng M.

Do các nội dung liên quan việc khui hụi, đóng hụi các bên đã thống nhất nên không cần phải xác M các hụi viên.

Chị O xác định các lần khui hụi, đóng hụi đều do bà M trực tiếp làm, các lần đóng hụi sống cũng do chị O giao cho bà M, không có giao cho ông M, ông M không có tham gia. Ông M cũng không thừa nhận việc bà M chơi hụi có liên quan đến ông mà do bà M tự làm, tiền hụi tự xài riêng, ông M không biết nên không đồng ý liên đới trả. Bà M cũng xác định việc chơi hụi chỉ mình bà M chơi và xài riêng, do ở địa phương ai cũng gọi bà M theo tên chồng là bà Hia nên giấy hụi bà ghi tên là Hia.

Đối với chị O cũng thống nhất ở địa phương gọi bà M là Hia. Nay do bà M không có khả năng trả tiền và giấy hụi ghi tên Hia nên yêu cầu ông M cùng trả.

Xét thấy việc chị O yêu cầu ông M cùng bà M liên đới trả là không có căn cứ. Vì việc chơi hụi chỉ có bà M tham gia, chị O không chứng M được số tiền thu được từ hụi được bà M sử dụng trong sinh hoạt gia đình.

Tại Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về: Họ, hụi, biêu, phường:

"1. Họ, hụi, biêu, phường (sau đây gọi chung là họ) là hình thức giao dịch về tài sản theo tập quán trên cơ sở thỏa thuận của một nhóm người tập hợp nhau lại cùng định ra số người, thời gian, số tiền hoặc tài sản khác, thể thức góp, lĩnh họ và quyền, nghĩa vụ của các thành viên.

2. Việc tổ chức họ nhằm mục đích tương trợ trong nhân dân được thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp việc tổ chức họ có lãi thì mức lãi suất phải tuân theo quy định của Bộ luật này.

4. Nghiêm cấm việc tổ chức họ dưới hình thức cho vay nặng lãi."

Từ phân tích và điều luật viện dẫn trên, xét thấy chị O yêu cầu bà M và ông M cùng liên đới nghĩa vụ trả cho chị O số tiền chị O đóng hụi sống là 46.800.000 đồng là có căn cứ. Chỉ có căn cứ buộc bà M có nghĩa vụ trả cho chị O số tiền nói trên.

Chị O không yêu cầu lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Đề nghị của kiểm sát viên là phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử.

[4] Về án phí: Bà M bị buộc thực hiện nghĩa vụ dân sự nên phải chịu án phí sơ thẩm dân sự theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357, 471, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 quy định về họ, hụi, biêu, phường; Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị Kiều O.

Buộc bà Nguyễn Thị Hồng M có nghĩa vụ trả cho chị Dương Thị Kiều O số tiền nợ hụi là 46.800.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu tám trăm nghìn đồng), không yêu cầu lãi.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Hồng M nộp án phí dân sự sơ thẩm là 2.340.000 đồng (Hai triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng).

Chị Dương Thị Kiều O được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.170.000 đồng (Một triệu một trăm bảy mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số BI/2019/0009841 ngày 30/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lấp Vò.

3. Án xử công khai, các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lấp Vò;
- CCTHADS huyện Lấp Vò;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, AV.

Lê Thị Kiều Tiên

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẤP VÒ
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lấp Vò, ngày 30 tháng 8 năm 2016

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Kiều Tiên
- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Kim Lịnh
  2. Bà Chung Thị Thu Nguyệt

Căn cứ vào Điều 264 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của những người tham gia tố tụng tại phiên toà. Hội đồng xét xử thảo luận những vấn đề cần giải quyết trong vụ án như sau:

Hội đồng xét xử biểu quyết: 3/3 thống nhất 100%:

- Áp dụng Điều 471, Điều 474 của Bộ luật dân sự;

Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị Trần Thị Kim Niên về việc yêu cầu chị Nguyễn Thị Kim Hường hoàn trả số tiền còn nợ lại tổng cộng là 39.000.000 đồng (Ba mươi chín triệu đồng).

- Buộc chị Nguyễn Thị Kim Hường hoàn trả cho chị Trần Thị Kim Niên số tiền còn nợ lại tổng cộng là 39.000.000 đồng (Ba mươi chín triệu đồng).

- Đối với số tiền hoàn trả khi có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành mà bên phải thi hành án không thi hành thì bên phải thi hành án còn phải chịu lãi theo mức lãi suất cơ bản do ngân hàng nhà nước công bố tại thời điểm thanh toán, tương ứng với thời gian chậm thi hành cho đến khi thi hành xong.

Về án phí:

- Trần Thị Kim Niên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm hoàn trả cho chị Niên số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 975.000 đồng (Chín trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 00461 ngày 13/5/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lấp Vò.

- Buộc Nguyễn Thị Kim Hường phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 1.950.000 đồng (Một triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng).

Án xử công khai, báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Biên bản kết thúc cùng ngày, đọc lên cùng nghe và thống nhất ký tên.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**